

Số: 434/ĐHCT-PTV
Về mức học phí áp dụng cho năm học 2014-2015

Cần Thơ, ngày 12 tháng 05 năm 2014



Kính gửi: - Thủ trưởng các đơn vị trong Trường
- Sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh của Trường

- Căn cứ Nghị định 49/2010/NĐ-CP ngày 14/5/2010 của Thủ tướng Chính phủ quy định về miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập và cơ chế thu, sử dụng học phí đối với cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ năm học 2010-2011 đến năm học 2014-2015;

- Căn cứ vào Thông tư liên tịch số 29/2010/TTLT-BGDĐT-BTC-BLĐTBXH ngày 15/11/2010 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Tài chính và Bộ Lao động Thương binh Xã hội hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 49/2010/NĐ-CP;

- Căn cứ Biên bản cuộc họp ngày 29/04/2014 của Ban Giám Hiệu và Ban Thường vụ Đảng uỷ về việc thống nhất mức học phí áp dụng cho năm học 2014-2015;

Hiệu trưởng Trường Đại Học Cần Thơ quy định mức học phí năm học 2014-2015 áp dụng đối với sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh học tại Trường, như sau:

1- Phân loại nhóm ngành đào tạo:

Nhóm 1: Bao gồm các ngành thuộc các Khoa, Viện sau:

- Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn (trừ chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch thuộc ngành Việt Nam học)
- Khoa Kinh tế và Quản trị kinh doanh
- Khoa Luật
- Khoa Nông nghiệp và Sinh học ứng dụng (trừ ngành Công nghệ thực phẩm)
- Khoa Phát triển nông thôn
- Khoa Thủy Sản (trừ ngành Công nghệ Chế biến thủy sản)
- Khoa Dự bị Dân tộc
- Khoa Công nghệ (ngành Quản lý công nghiệp)
- Khoa Sư phạm (trừ các đối tượng thuộc nhóm 3)
- Viện Nghiên cứu Phát triển ĐBSCL

Nhóm 2: Bao gồm các ngành thuộc các Khoa, Viện sau:

- Khoa Công nghệ (trừ ngành Quản lý công nghiệp)
- Khoa Môi trường và Tài nguyên Thiên nhiên
- Khoa Công nghệ Thông tin và Truyền thông
- Khoa Khoa học Tự nhiên
- Viện Nghiên cứu và Phát triển Công nghệ sinh học
- Ngành thuộc nhóm 1 sau:
 - + Ngành Công nghệ thực phẩm (Khoa NN & SHƯD)
 - + Chuyên ngành Hướng dẫn viên du lịch thuộc ngành Việt Nam học (Khoa KHXH và Nhân văn)
 - + Ngành Công nghệ Chế biến thủy sản (Khoa Thủy sản)

Nhóm 3: Diện không phải đóng học phí thuộc các ngành sư phạm hệ đại học chính quy trúng tuyển chính thức trong kỳ thi tuyển sinh đại học (chỉ áp dụng đối với tuyển sinh từ trung học phổ thông lên đại học).

2- Lộ trình tăng học phí theo Nghị định 49/2010/NĐ-CP

2.1- Mức trần học phí đối với đào tạo trình độ đại học

ĐVT: đồng/sinh viên/tháng

Nhóm	Năm học	2010-2011	2011-2012	2012-2013	2013-2014	2014-2015
	1		290.000	355.000	420.000	485.000
2		310.000	395.000	480.000	565.000	650.000

2.2- Mức trần học phí đối với đào tạo trình độ khác: Được xác định theo hệ số điều chỉnh sau:

Trình độ đào tạo	Hệ số so với đại học
Cao đẳng	0,8
Đại học	1,0
Thạc sĩ	1,5
Tiến sĩ	2,5

3- Mức học phí

3.1- Hệ cao đẳng chính quy tập trung dài hạn.

3.1.1- Mức học phí:

ĐVT: đồng

STT	Loại học phần	Mức học phí một tín chỉ
1	Học phần giáo dục đại cương	146.500
2	Học phần cơ sở và chuyên ngành	173.000

Mức học phí trên áp dụng cho các trường hợp còn đang học trong thời gian thiết kế chương trình đào tạo.

3.1.2- Mức học phí trên được tính nhân 1,5 lần đối với trường hợp sau:

- Học lại học phần (kể cả học phần bị xóa do không đóng học phí), học thi cải thiện điểm.

- Học ngoài thời gian thiết kế chương trình đào tạo.

3.2- Hệ đại học chính quy tập trung dài hạn.

3.2.1- Mức học phí

ĐVT: đồng

STT	Loại học phần	Mức học phí một tín chỉ
1	Học phần giáo dục đại cương	183.000
2	Học phần cơ sở và chuyên ngành thuộc nhóm ngành 1	183.000
3	Học phần cơ sở và chuyên ngành thuộc nhóm ngành 2	216.500

Mức học phí trên áp dụng cho các trường hợp còn đang học trong thời gian thiết kế chương trình đào tạo.

3.2.2- Mức học phí trên được tính nhân 1,5 lần đối với các trường hợp sau:

- Học lại học phần (kể cả học phần bị xóa do không đóng học phí), học thi cải thiện điểm.
- Học ngoài thời gian thiết kế chương trình đào tạo (các học phần của ngành sư phạm lấy mức học phí nhóm 1 làm căn cứ tính nhân 1,5).
- Học ngoài chương trình đào tạo ngành 1.
- Sinh viên liên thông, bằng 2 học chung với các lớp hệ chính quy.
- Sinh viên thuộc diện cử tuyển.
- Sinh viên thuộc diện xét tuyển thẳng (kể cả các ngành sư phạm).

3.2.3- Học phần dạy bằng tiếng Anh thuộc Chương trình tiên tiến (kể cả học thi lại, học cải thiện điểm). *Mức học phí trên được tính nhân 1,5 lần đối với khóa 39 trở về trước; mức học phí trên được tính nhân 2 lần đối với khóa 40 trở đi.*

3.3- Học sinh diện xét tuyển thẳng vào đại học học bồi dưỡng kiến thức

Mức học phí: 7.320.000 đ/năm học, hoặc 3.660.000 đ/học kỳ; hoặc 183.000 đ/tín chỉ

3.4- Hệ đại học vừa làm vừa học, đại học từ xa: Thực hiện theo Công văn số 45/LKĐT ngày 8/11/2013 của Trung tâm Liên kết Đào tạo- Trường ĐH Cần Thơ.

3.5- Đào tạo thạc sĩ.

3.5.1- Mức học phí:

ĐVT: đồng

STT	Nhóm ngành	Mức học phí		
		Một tháng	Một năm	Một tín chỉ
1	Nhóm 1	825.000	8.250.000	300.000
2	Nhóm 2	975.000	9.750.000	354.500

Học phí đào tạo thạc sĩ thực hiện thu theo từng năm học.

3.5.2- Mức học phí trên được tính nhân 1,5 lần đối với các trường hợp học sau:

- Học lại học phần (kể cả học phần bị xóa do không đóng học phí), học thi cải thiện điểm.
- Học ngoài chương trình đào tạo.
- Học ngoài thời gian thiết kế chương trình đào tạo.
- Học ngoài giờ.

3.6- Đào tạo tiến sĩ:

Mức học phí:

ĐVT: đồng

STT	Nhóm ngành	Mức học phí		
		Một tháng	Một năm	Một tín chỉ
1	Nhóm 1	1.375.000	13.750.000	450.000
2	Nhóm 2	1.625.000	16.250.000	532.500

- Thời gian đào tạo đối với NCS đã có bằng thạc sĩ là 3 năm và NCS chưa có bằng thạc sĩ là 4 năm; Học phí thu theo từng năm học và thu trong 3 năm cho mọi đối tượng NCS; NCS có bằng đại học hay có bằng thạc sĩ ngành gần, phải học chương trình thạc sĩ

hay học những học phần bổ sung và mức học phí tính theo tín chỉ theo quy định chung của Trường về mức học phí ứng với từng trình độ.

3.7- Học phí bổ túc kiến thức dự thi tuyển sinh trình độ thạc sĩ: 300.000 đ/tín chỉ

Đề nghị thủ trưởng các đơn vị trong Trường thông báo đến toàn thể sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh biết thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu KHTH, TV.

